TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 81/2018/HNGĐ - ST Ngày: 19/11/2018 V/v ly hôn	

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm Nh dân:

+ Bà Thạch Thị Lan Nhung

+ Bà Ngô Thị Luân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Trọng Thắng – Thư ký Tòa án Nh dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn Nh gia đình thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2018 về việc: "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXX - ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Trần Văn Nh sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP ĐTPTVN (BIDV)

Trụ sở: Tháp BIDV số 35, đường Hi, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông Đặng Xuân H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP ĐTPTVN, chi nhánh Đà Lạt.

Theo văn bản ủy quyền 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016.

Đại diện tham gia tố tụng: ông Cao Tiến Tr. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP ĐTPTVN, chi nhánh Đà Lạt.

Theo văn bản ủy quyền số 520/UQ-BIDV.DAL ngày 24/5/2018.

Địa chỉ: Số 28 khu HB, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị S, ông Tr có mặt, anh Nh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày: Chị S và anh Nh xây dựng gia đình với nhau năm 2013 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề trong cuộc sống nên anh Nh thường xuyên gây sự và đánh đập chị. Chị cũng đã nhờ gia đình và địa phương can thiệp nhưng không được, nay chị S xác định không còn tình cảm với anh Nh nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh. Về con chung chị S xác định quá trình chung sống chị và anh Nh có một con chung là Trần Bùi Thùy L, sinh ngày 14/3/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị S xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị S xác định quá trình chung sống vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt số tiền 310.000.000đồng, khi vay thế chấp xe ô tô do anh Nh đứng tên trong chứng nhận đăng ký xe ô tô, hiện nay chiếc xe trên do anh Nh đang trực tiếp sử dụng làm phương tiện đi lại. Vì vậy, khi ly hôn chị S yêu cầu anh Nh phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng, chị không có trách nhiệm trả số nợ trên. Đồng thời nộp kèm theo đơn khởi kiện chị S đã nộp các chứng cứ gồm bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản phô tô có chứng thực giấy khai sinh của con chung, bản phô tô có chứng thực sổ hộ khẩu, bản photo có chứng thực chứng minh Nh dân của chị S.

Bị đơn anh Trần Văn Nh trình bày: anh Nh và chị S xây dựng gia đình vào năm 2013 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã Liên Hà, quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc, nguyên Nh do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S. Về con chung anh xác định có một cháu là Trần Bùi Thùy L, sinh ngày 14/3/2014, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu L cho chị S nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh Nh xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt số tiền 310.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng, hiện nay số tiền nợ gốc là 232.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng.

Khi ly hôn anh sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên không yêu cầu chị S phải trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt trình bày: ngày 28/02/2017 anh Trần Văn Nh và chị Bùi Thị S có thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô con hiệu HYUNDAI theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021827 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 27/02/2017 thuộc quyền sở hữu của anh Nh, chị S cho Ngân Hàng để vay vốn với tổng số tiền là 310.000.000đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn mua xe ô tô. Theo hợp đồng thế chấp số 157/2017/9482843/HĐBĐ ngày 28/02/2017. Trong hợp đồng giữa Ngân hàng và anh Nh chị S có thỏa thuận: Tiền gốc sẽ được thanh toán theo định kỳ một lần một tháng vào ngày 03 hàng tháng, số tiền mỗi kỳ là 5.200.000đồng, riêng kỳ cuối trả 3.200.000đồng. Lịch trả nợ lãi được thanh toán theo định kỳ cùng kỳ trả nợ gốc, kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 03/4/2017. Hiện tại khoản vay đã quá hạn từ ngày 03/6/2018. Vì vậy, Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt đề nghị Tòa án buộc anh Nh, chị S phải trả số tiền gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng theo quy định.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nh và Ngân hàng vắng mặt và Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Nh và Ngân hàng nhưng anh Nh và Ngân Hàng không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham giá tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Nh. Về con chung đề nghị giao cháu L cho chị S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án này. Về nợ chung: các đương sự xác định trong quá trình chung sống có nợ Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt 310.000.000đồng, đến nay còn nợ 232.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nh và chị S cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/11/2018 tổng cộng là 246.792.351 đồng, mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho Ngân hàng. Đề nghị tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt với vợ chồng anh Trần Văn Nh, chị Bùi Thị S để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Nh theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn Nh: Chị S và anh Nh xây dựng gia đình với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã Liên Hà, huyện Lâm Hà vào ngày 21/10/2013. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên chị S làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị S xác định không còn tình cảm với anh Nh, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay và chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh Nh vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh Nh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh Nh phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau, trong những lúc nóng giận đã có những lời nói xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau dẫn đến không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Mặt khác theo kết quả xác minh thì quá trình chung sống anh Nh chị S thường xuyên xảy ra xô xát do bất đồng quan điểm, gia đình cũng đã can thiệp và hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn Nh như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn Nh không đạt được nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn Nh và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S, xử cho chị S và anh Nh được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị S và anh Nh có một con chung là Trần Bùi Thùy L, sinh ngày 14/3/2014. Khi ly hôn chị S và anh Nh thống nhất giao cháu L cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu L hiện nay còn nhỏ và là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ hơn. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân thì cháu L vẫn sống cùng chị S ổn định, do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn Nh và gia đình giao hai con là Trần Bùi Thùy L, sinh ngày 14/3/2014 cho chị S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị S xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết còn trong bản tự khai anh Nh xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có nợ Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt 310.000.000đồng, đến nay còn nợ 232.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Tại phiên tòa, chị S xác định khi vay số tiền trên của Ngân hàng thì cả chị và anh Nh vay và có thế chấp tài sản là một chiếc xe ô tô con hiệu HYUNDAI theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021827 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 27/02/2017, hiện nay chiếc xe này do anh Nh trực tiếp sử dụng. Vì vậy khi ly hôn chị yêu cầu anh Nh có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt xác định tổng số tiền anh Nh chị S nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử cụ thể là: tiền nợ gốc quá hạn 232.000.000đồng, tiền lãi 14.482.739đồng, tiền nợ lãi quá hạn 310.612đồng, tổng cộng là 246.793.351đồng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn Nh, chị Bùi Thị S phải thanh toán số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 246.793.351đồng. Anh Nh, chị S phải chịu lãi phát sinh sau ngày xét xử 19/11/2018 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Đồng thời, đề nghị tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt với vợ chồng anh Trần Văn Nh, chị Bùi Thị S để đảm bảo thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền ngày 28/02/2017 với Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt thì có cả anh Nh và chị S ký kết, mục đích vay là mua xe ô tô chạy taxi để phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, theo hợp đồng tín dụng ngày 28/02/2017 thì khoản nợ trên đã quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu cả anh Nh, chị S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc anh Nh, chị S còn Ngân hàng nợ gốc quá hạn 232.000.000đồng, tiền lãi 14.482.739đồng, tiền nợ lãi quá hạn 310.612đồng, tổng cộng là 246.793.351 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, buộc anh Nh, chị S mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt số tiền 123.397.000đồng (đã làm tròn số). Đồng thời anh Nh, chị S phải chịu lãi phát sinh nợ gốc sau ngày 19/11/2018 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng ngày 28/02/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 157/2017/9482843/HĐBĐ ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt với vợ chồng anh Trần Văn Nh chị Bùi Thị S để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải chịu 300.000đ án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm. Anh Nh, chị S mỗi người phải chịu 6.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt 5.917.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị S, xử cho chị Bùi Thị S và anh Trần Văn Nh được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Trần Bùi Thùy L, sinh ngày 14/3/2014 cho chị Bùi Thị S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn Nh và gia đình.

3/ Về nợ chung: Buộc anh Trần Văn Nh, chị Bùi Thị S mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt số tiền 123.397.000đồng. Anh Nh, chị S phải chịu lãi phát sinh nợ gốc sau ngày 19/11/2018 theo hợp đồng tín dụng số 157/2017/9482843/HĐTD đã ký kết với ngân hàng ngày 28/02/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 157/2017/9482843/HĐBĐ ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt với anh Trần Văn Nh, chị Bùi Thị S để đảm bảo thi hành án.

4/ Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 6.470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000482 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị S còn phải nộp 6.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn Nh phải 6.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐTVPTVN, chi nhánh Đà Lạt 5.917.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số AA/2016/0000633 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho chị S, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Lạt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (19/11/2018), còn anh Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án Nh dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã Liên Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quỳnh